

MỤC LỤC

KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

- 1. Nguyễn Việt Thái và Bùi Thị Thanh** - Phân tích tác động không gian của ngành du lịch đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam. *Mã số: 137+138.1 TRMg.11* 3
An Analysis of the Spatial Impact of Tourism on Vietnam's Economic Growth
- 2. Nguyễn Mạnh Hùng và Nguyễn Thị Xuân Hồng** - Nghiên cứu hoạt động phát triển nguồn nhân lực du lịch của các tỉnh Trung Du, miền núi Bắc Bộ. *Mã số: 137+138. 1HRMg.11* 10
A Study on Tourism Human Resource Development in Northern Mountainous and Mid-land Provinces
- 3. Đặng Thị Việt Đức** - Cấu trúc cung cầu và các yếu tố ảnh hưởng tới gia tăng sản lượng ngành tài chính ngân hàng Việt Nam giai đoạn 2007-2016. *Mã số: 137+138.1FiBa.11* 28
Input - output structure and sources of output growth of vietnam's banking and finance sector in 2007-2016
- 4. Hoàng Khắc Lịch** - Phân nhóm quốc gia theo tiềm năng và thực tế chi tiêu công. *Mã số: 137+138.1MEco.11* 40
Classifying Countries according to State Spending Potential and Reality
- 5. Nguyễn Thị Cẩm Vân** - Tác động của toàn cầu hóa đến sự phát triển công nghiệp và dịch vụ ở Việt Nam. *Mã số: 137+138.1IIEM.11* 50
The Impact of Globalization on the Development of Industry and Service in Vietnam

QUẢN TRỊ KINH DOANH

- 6. Đỗ Thị Bình** - Nghiên cứu mức độ chủ động trong chiến lược kinh doanh thân thiện với môi trường của các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu thủy sản Việt Nam. *Mã số: 137+138.2BMkt.21* 61
A Study on the Activeness in the Environment-Friendly Business Strategy of Vietnam's Aquatic Product Processing and Exporting Enterprises
- 7. Ngô Mỹ Trân và Dương Trọng Nhân** - Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng thành lập các tiểu ban trực thuộc hội đồng quản trị của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. *Mã số: 137+138.2OMIS.21* 75
The Factors Affecting the Formation of Subcommittees under Boards of Directors of Listed Companies on Vietnam Stock Market

- 8. Lê Thị Mỹ Phương và Cao Thi Hà Thương** - Phân tích tác động của quản trị tài chính với hiệu quả tài chính tại các doanh nghiệp sản xuất niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Mã số: 137+138.2FiBa.21 86
An Analysis on the Impact of Financial Administration on Financial Performance at Listed Manufacturing Enterprises on Vietnam Stock Market
- 9. Vũ Thị Thu Hương, Tạ Quang Bình, Hồ Thị Mai Sương và Lương Thị Ngân** - Ảnh hưởng của các công ty zombie đến hiệu quả hoạt động tài chính: Kết quả nghiên cứu thực nghiệm trên các công ty niêm yết nhóm ngành vật liệu xây dựng tại Việt Nam. Mã số: 137+138.2FiBa.21 100
The Impact of Zombie Companies on Financial Performance: Results of Experimental Research at Listed Construction Materials Companies in Vietnam
- 10. Đinh Công Thành, Lê Tấn Nghiêm và Nguyễn Hồng Gấm** - Ảnh hưởng của thuê ngoài dịch vụ đến hiệu quả phi tài chính của doanh nghiệp - nghiên cứu trường hợp các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Đồng bằng Sông Cửu Long. Mã số: 137+138.2BAdm.21 109
The effect of outsourcing on the non-financial performance of smes in the mekong delta

Ý KIẾN TRAO ĐỔI

- 11. Hervé B. BOISMERY** - Entrepreneurship and Credit Crunch in Vietnam: A Recurring Reality? 119
Doanh nghiệp và thắt chặt tín dụng ở Việt Nam: thực trạng tái xuất hiện? Mã số: 137+138.3FiBa.31
- 12. YU-HUI LIN and JIA-CHING JUO** - Risk-Adjusted Productivity Change of Taiwan's Banks in The Financial Holding Companies 133
Thay đổi năng suất điều chỉnh rủi ro của các ngân hàng Đài Loan trong các công ty cổ phần tài chính. Mã số: 137+138.3FiBa.31

TÁC ĐỘNG CỦA TOÀN CẦU HÓA ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VÀ DỊCH VỤ Ở VIỆT NAM

Nguyễn Thị Cẩm Vân

Đại học Kinh tế quốc dân

Email: ncvantkt@neu.edu.vn

Ngày nhận: 04/11/2019

Ngày nhận lại: 06/12/2019

Ngày duyệt đăng: 10/12/2019

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp kiểm định đồng tích hợp Johansen và mô hình hiệu chỉnh sai số để đánh giá tác động của toàn cầu hóa đến sự phát triển công nghiệp và dịch vụ ở Việt Nam giai đoạn 1995-2016. Kết quả nghiên cứu cho thấy toàn cầu hóa có tác động thúc đẩy sự phát triển công nghiệp và dịch vụ ở Việt Nam theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Bên cạnh đó, đầu tư trực tiếp nước ngoài, cán cân thương mại và tỷ giá có tác động tích cực đến sự phát triển công nghiệp và dịch vụ trong cả ngắn hạn và dài hạn. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy dự trữ có ảnh hưởng dương đến sự phát triển công nghiệp và dịch vụ trong dài hạn. Tuy nhiên, ảnh hưởng này không có ý nghĩa trong ngắn hạn. Dựa trên các kết quả phân tích, bài viết đề xuất một số khuyến nghị nhằm thúc đẩy sự phát triển công nghiệp và dịch vụ ở Việt Nam trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay.

Từ khóa: Toàn cầu hóa, phát triển công nghiệp và dịch vụ, đồng tích hợp, mô hình hiệu chỉnh sai số.

1. Giới thiệu

Toàn cầu hóa là khái niệm phản ánh những thay đổi trong xã hội và nền kinh tế thế giới, được tạo ra bởi các mối liên kết và trao đổi ngày càng tăng giữa các quốc gia, các tổ chức, các cá nhân ở góc độ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... trên phạm vi toàn cầu. Quá trình toàn cầu hóa gắn liền với sự tăng lên về số lượng, cường độ của các cơ chế, tiến trình và hoạt động nhằm thúc đẩy sự hợp tác giữa các quốc gia trên thế giới cũng như sự hội nhập về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội ở cấp độ toàn cầu.

Từ cuối thập niên 1980, toàn cầu hóa đã diễn ra với tốc độ và cường độ chưa từng có trong tiền lệ, và đã tạo ra những thay đổi lớn trong nền kinh tế toàn cầu cũng như nền kinh tế của mỗi quốc gia khi tham gia ở các mức độ khác nhau vào quá trình này. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế diễn ra mạnh mẽ, khu vực nông nghiệp ở các nước công nghiệp hóa đã thu hẹp và nhường chỗ cho khu vực công nghiệp và dịch vụ.

Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế đó. Sự phát triển kinh tế của Việt Nam trong thời gian qua gắn liền với sự phát triển mạnh mẽ của các ngành công nghiệp và dịch vụ. Trong những năm gần đây, công nghiệp và dịch vụ luôn chiếm khoảng trên 80% tổng sản lượng hàng năm của nền kinh tế. Toàn cầu hóa được cho là không chỉ mang lại những nguồn lực quan trọng và cần thiết cho các nước đang phát triển đi sau như Việt Nam phát triển công nghiệp, dịch vụ, rút ngắn lộ trình công nghiệp hóa, bắt nhịp và thích nghi với xu hướng phát triển hiện đại, mà còn làm thay đổi mạnh mẽ nội dung và bước đi của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Vì vậy, một câu hỏi đặt ra là Việt Nam có khai thác được các lợi ích của toàn cầu hóa để phát triển công nghiệp và dịch vụ hay không? Để trả lời cho câu hỏi đó, nghiên cứu này sử dụng kỹ thuật đồng tích hợp và mô hình hiệu chỉnh sai số để đánh giá tác động của toàn cầu hóa đến sự phát triển công nghiệp và dịch vụ ở Việt Nam.

Nội dung của bài viết được tổ chức như sau: phần tiếp theo trình bày tổng quan nghiên cứu về tác động của toàn cầu hóa đến sự phát triển công nghiệp và dịch vụ ở các quốc gia trên thế giới; phần 3 chỉ định mô hình nghiên cứu và dữ liệu sử dụng; phần 4 là kết quả phân tích tác động của toàn cầu hóa đến sự phát triển công nghiệp và dịch vụ ở Việt Nam giai đoạn 1995-2016; phần cuối cùng là kết luận và một số khuyến nghị.

2. Tổng quan nghiên cứu

Các tác động của toàn cầu hóa là chủ đề đặc biệt thu hút sự quan tâm nghiên cứu ở cả các quốc gia phát triển và các quốc gia đang phát triển. Hệ thống các nghiên cứu đã có về tác động của toàn cầu hóa khá đa dạng và phong phú. Các nghiên cứu thường tập trung vào phân tích tác động của toàn cầu hóa đến tăng trưởng kinh tế, nghèo đói và bất bình đẳng, môi trường, phát triển con người, và sự phát triển của một số ngành công nghiệp và dịch vụ, đặc biệt là công nghiệp chế biến chế tạo. Các tài liệu nghiên cứu thường đánh giá tác động của toàn cầu hóa chủ yếu thông qua các kênh khác nhau như: đầu tư trực tiếp nước ngoài, độ mở thương mại, xuất khẩu, tỷ giá hối đoái, lao động nước ngoài, công nghệ, tự do hóa tài chính...

Mối quan hệ giữa toàn cầu hóa và sự phát triển công nghiệp, đặc biệt là khu vực chế biến chế tạo là một chủ đề được khá nhiều nghiên cứu đề cập đến trong những năm gần đây. Hệ thống các tài liệu nghiên cứu về tác động của toàn cầu hóa báo cáo những kết quả mâu thuẫn nhau về mối quan hệ giữa toàn cầu hóa và sự phát triển của khu vực công nghiệp. Một số nghiên cứu tìm thấy toàn cầu hóa có ảnh hưởng tích cực đến khu vực công nghiệp, trong khi đó một số khác lại cho rằng toàn cầu hóa có tác động tiêu cực đến sự phát triển công nghiệp. Sau đây là một số nghiên cứu điển hình:

Phân tích tác động của toàn cầu hóa đến tổng năng suất nhân tố (TFP) của khu vực chế biến chế tạo ở Malaysia giai đoạn 1990 - 2008, Sulaiman (2012) đã sử dụng các biến đại diện cho toàn cầu

hóa bao gồm: lao động nước ngoài, đầu tư trực tiếp nước ngoài, công nghệ, độ mở của nền kinh tế. Kết quả nghiên cứu cho thấy đầu tư trực tiếp nước ngoài và độ mở của nền kinh tế có tác động dương và có ý nghĩa thống kê đến TFP của khu vực chế biến chế tạo. Các biến lao động nước ngoài và số các thỏa thuận về công nghệ không có ý nghĩa thống kê nên tác giả cho rằng hai nhân tố này không có đóng góp cho TFP của khu vực chế biến chế tạo. Phân tích cho các ngành trong khu vực chế biến chế tạo, toàn cầu hóa có tác động mạnh nhất đến TFP ở ba ngành: sản xuất các sản phẩm máy móc và trang thiết bị; sản xuất các trang thiết bị đo lường và khoa học; các sản phẩm điện và điện tử.

Ashuamah và cộng sự (2016) đã nghiên cứu tác động của toàn cầu hóa kinh tế đến năng suất của khu vực chế biến chế tạo ở Ghana giai đoạn 1961-2013. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng toàn cầu hóa có ảnh hưởng dương nhưng không có ý nghĩa thống kê đến năng suất của khu vực chế biến chế tạo trong ngắn hạn và dài hạn. Do đó, các tác giả cho rằng khu vực chế biến chế tạo của Ghana không được hưởng lợi từ toàn cầu hóa.

Bên cạnh các nghiên cứu khẳng định tác động tích cực của toàn cầu hóa, một số nghiên cứu cho rằng toàn cầu hóa có tác động ngược chiều đến sự phát triển công nghiệp. Warburton (2012) đã xem xét tác động của toàn cầu hóa đến sự chuyển dịch cơ cấu trong khu vực chế biến chế tạo ở Mỹ giai đoạn 1987 - 2010. Tác giả cho rằng năng suất của khu vực chế biến chế tạo đã tăng lên nhưng hiệu suất của khu vực này chủ yếu phụ thuộc vào thu nhập quốc gia. Sự thay đổi sản lượng của khu vực chế biến chế tạo có phản ứng ngược với những cú shock gắn liền với thu nhập quốc gia và nhập khẩu của khu vực chế biến chế tạo.

Kết quả nghiên cứu của Aluko và cộng sự (2004) về mối quan hệ giữa toàn cầu hóa và khu vực chế biến chế tạo, nghiên cứu điển hình cho ngành công nghiệp dệt của Nigeria cho thấy toàn cầu hóa có tác động ngược chiều khá mạnh đến năng lực sản xuất

của khu vực chế biến chế tạo. Tương tự, nghiên cứu của Wilson (2010) cũng cho thấy toàn cầu hóa có tác động đến tăng trưởng công nghiệp ở Nigeria giai đoạn 1986-2008. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng độ mở thương mại có tác động âm đến tăng trưởng công nghiệp, nghĩa là độ mở thương mại của Nigeria càng cao thì khu vực công nghiệp càng trở nên tụt tệ. Bên cạnh đó, tỷ giá hối đoái có tác động dương đến tăng trưởng công nghiệp ở Nigeria trong thời kỳ nghiên cứu. Phân tích ảnh hưởng của toàn cầu hóa đến các ngành trong nền kinh tế Nigeria giai đoạn 1962 - 2009, Umaru (2013) đã kết luận rằng toàn cầu hóa có ảnh hưởng âm đến các ngành: công nghiệp chế biến chế tạo, xăng, khoáng sản rắn; và có tác động dương đến các ngành như: nông nghiệp, vận tải, thông tin và truyền thông.

Ngoài ra, một số tài liệu lại cho thấy tác động hỗn hợp của toàn cầu hóa đến khu vực công nghiệp. Nghiên cứu tác động của toàn cầu hóa đến sự phát triển công nghiệp ở Nigeria trong 5 thập kỷ 1960-2010, Ebong và cộng sự (2013) đã kết luận toàn cầu hóa có tác động đến sự phát triển công nghiệp ở Nigeria. Trong đó, độ mở thương mại có ảnh hưởng dương đến phát triển công nghiệp, còn toàn cầu hóa tài chính có tác động ngược chiều đến phát triển công nghiệp ở quốc gia này trong giai đoạn nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu của Ojo và cộng sự (2014) cho thấy mặc dù khu vực chế biến chế tạo của Nigeria được hưởng lợi từ toàn cầu hóa nhưng mức độ phát triển của khu vực này khá khiêm tốn. Kết quả này hàm ý của toàn cầu hóa có tác động không đáng kể đến khu vực chế biến chế tạo ở Nigeria giai đoạn 1980-2009. Tương tự, khi phân tích tác động của toàn cầu hóa đến tăng trưởng công nghiệp ở Nigeria trong giai đoạn 1981-2014, Bynuyo và cộng sự (2017) kết luận rằng Nigeria không được hưởng lợi đủ từ toàn cầu hóa mặc dù độ mở thương mại có xu hướng làm tăng tốc độ tăng trưởng công nghiệp. Các tác giả đã kết luận rằng độ mở thương mại, đầu tư trực tiếp nước ngoài và tỷ giá hối đoái ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê đến tăng trưởng công nghiệp.

Tuy nhiên tăng trưởng công nghiệp ở Nigeria phụ thuộc quá mức vào hàng hóa nhập khẩu.

Atta (2017) đã xem xét tác động của toàn cầu hóa lên khu vực chế biến chế tạo ở Ghana giai đoạn 1985-2013. Sử dụng FDI như là một kênh phản ánh toàn cầu hóa, tác giả tìm thấy mối tương quan âm giữa FDI và khu vực chế biến chế tạo ở Ghana. Ảnh hưởng âm này bắt nguồn từ sự tự do hóa thương mại, tài chính và tỷ giá, là hiện thực hóa của sự cạnh tranh khốc liệt, gia tăng chi phí sản xuất, và sự mất niềm tin của các nhà đầu tư bản địa.

Mối quan hệ giữa toàn cầu hóa và sự phát triển của khu vực dịch vụ là một chủ đề mới được nghiên cứu trong những năm gần đây. Số lượng nghiên cứu về chủ đề này cho đến nay còn khá hạn chế. Hơn nữa, các tài liệu nghiên cứu rút ra các kết luận mâu thuẫn nhau về tác động của toàn cầu hóa đến sự phát triển của khu vực dịch vụ. Goldar (2014) cho rằng toàn cầu hóa có tác động tích cực đến ngành dịch vụ. Kết quả nghiên cứu của Goldar cho thấy toàn cầu hóa làm tăng sản lượng và cải thiện chất lượng của khu vực dịch vụ, làm giảm chi phí ở những ngành dịch vụ có chi phí cao. Tuy nhiên, Nyamekye (2016) lại kết luận rằng toàn cầu hóa có tác động tiêu cực đến sự phát triển của ngành dịch vụ. Trong nghiên cứu về ảnh hưởng của toàn cầu hóa đến sản lượng của khu vực dịch vụ ở Ghana giai đoạn 1961 - 2013, Nyamekye đã chứng tỏ rằng toàn cầu hóa có tác động âm đến sản lượng của khu vực dịch vụ ở Ghana. Sekar (2006) cho rằng toàn cầu hóa có cả tác động tích cực và tiêu cực đến các hoạt động dịch vụ. Về mặt tích cực, toàn cầu hóa có xu hướng làm giảm giá dịch vụ ở các khu vực có chi phí cao, làm gia tăng sản lượng và nâng cao chất lượng dịch vụ. Về mặt tiêu cực, toàn cầu hóa làm gia tăng mức độ cạnh tranh, có thể tạo ra sự xáo trộn do các công ty không có khả năng cạnh tranh bị mất thị phần và nhân viên của họ bị sa thải.

Tóm lại, hệ thống các nghiên cứu đã có về tác động của toàn cầu hóa đến sự phát triển công nghiệp và dịch vụ ở các quốc gia trên thế giới là nguồn tài

liệu tham khảo quan trọng có thể vận dụng để phân tích cho Việt Nam. Từ các nghiên cứu này có thể rút ra rằng khi xem xét tác động của toàn cầu hóa đến sự phát triển công nghiệp và dịch vụ cần xem xét các yếu tố đặc trưng của toàn cầu hóa như đầu tư trực tiếp nước ngoài, thương mại, tỷ giá ... Tuy nhiên, số lượng các nghiên cứu định lượng về tác động của toàn cầu hóa đến sự phát triển công nghiệp và dịch vụ ở các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam còn khá khiêm tốn. Do đó, nghiên cứu này hy vọng có thể bổ sung cho các nghiên cứu trước bằng cách sử dụng các mô hình định lượng để phân tích tác động của toàn cầu hóa đến sự phát triển công nghiệp và dịch vụ. Khác với các nghiên cứu trước, nghiên cứu này sử dụng một chỉ số toàn diện về toàn cầu hóa được Dreher (2006) xây dựng và tính toán hàng năm cho các quốc gia trên thế giới.

3. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Dữ liệu sử dụng trong nghiên cứu được tổng hợp từ hệ thống cơ sở dữ liệu của các trang web: data.worldbank.org, ceicdata.com và kof.ethz.ch (cập nhật năm 2019) trong giai đoạn 1995-2016 (bảng 1). Sự hạn chế này là do năm 2019, số liệu toàn cầu hóa được cung cấp đến năm 2016.

Để tìm hiểu tác động của toàn cầu hóa đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Việt Nam, nghiên cứu

này sử dụng cả phương pháp hai bước của Engle và Granger và phương pháp đồng tích hợp của Johansen. Các bước tiến hành nghiên cứu được thực hiện như sau:

Đầu tiên, các chuỗi số liệu sử dụng trong nghiên cứu sẽ được kiểm định tính dừng bằng kiểm định nghiệm đơn vị Dickey-Fuller mở rộng (ADF). Nếu chuỗi gốc X_t không dừng thì kiểm định ADF tiếp tục được thực hiện trên chuỗi sai phân của chuỗi gốc ΔX_t . Nếu chuỗi ΔX_t dừng thì chuỗi gốc được gọi là tích hợp bậc 1 hay I(1).

Nếu các chuỗi sử dụng trong nghiên cứu tích hợp cùng bậc thì kiểm định Johansen được thực hiện để kiểm tra tính đồng tích hợp. Các chuỗi số liệu là đồng tích hợp nếu tổ hợp tuyến tính của chúng là một chuỗi dừng. Kiểm định Johansen thực hiện trên các chuỗi số liệu gốc cho biết với một nhóm chuỗi không dừng, tồn tại bao nhiêu tổ hợp tuyến tính của chúng là chuỗi dừng. Hai phương pháp thống kê được sử dụng để xác định số phương trình đồng tích hợp giữa các chuỗi số liệu là Kiểm định vết (Trace) và Kiểm định giá trị riêng cực đại (Maximum-Eigenvalue).

Nếu tồn tại quan hệ đồng tích hợp giữa các chuỗi thời gian được xem xét thì trong bước tiếp theo, độ trễ tối ưu của mô hình sẽ được xác định căn cứ vào

Bảng 1: Dữ liệu sử dụng trong nghiên cứu

Tên biến	Mô tả	Nguồn
IS	Giá trị gia tăng của các ngành công nghiệp và dịch vụ (đơn vị: tỷ USD).	The World Bank Development Indicators Database
KOF	Chỉ số toàn cầu hóa tổng hợp	KOF Index of Globalization
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài được đo bằng tỷ trọng vốn FDI trong GDP	The World Bank Development Indicators Database
BOT	Cán cân thương mại được đo bằng (Xuất khẩu - Nhập khẩu)	The World Bank Development Indicators Database
EXR	Tỷ giá hối đoái VND/USD	The Ceic Database
Log(RES)	Dự trữ của Việt Nam bao gồm ngoại tệ và vàng	The World Bank Development Indicators Database

các tiêu chuẩn AIC (Akaike information criterion), SC (Schwarz information criterion) và HQ (Hannan-Quinn information criterion).

Từ những nghiên cứu của các tác giả trước đây và từ kết quả các kiểm định, mô hình đánh giá tác động dài hạn của toàn cầu hóa đến sự phát triển của khu vực công nghiệp và dịch vụ ở Việt Nam được chỉ định như sau:

$$IS_t = \alpha_0 + \alpha_1 KOF_t + \alpha_2 FDI_t + \alpha_3 BOT_t + \alpha_4 EXR_t + \alpha_5 \log(RES)_t + u_t \quad (3.1)$$

trong đó, α_0 là hằng số; α_i ($i=1,5$) là các tham số ước lượng; u_t là sai số.

Để xác định mối quan hệ ngắn hạn giữa toàn cầu hóa và sự phát triển của khu vực công nghiệp và dịch vụ ở Việt Nam, phương trình (3.1) được chuyển thành mô hình hiệu chỉnh sai số:

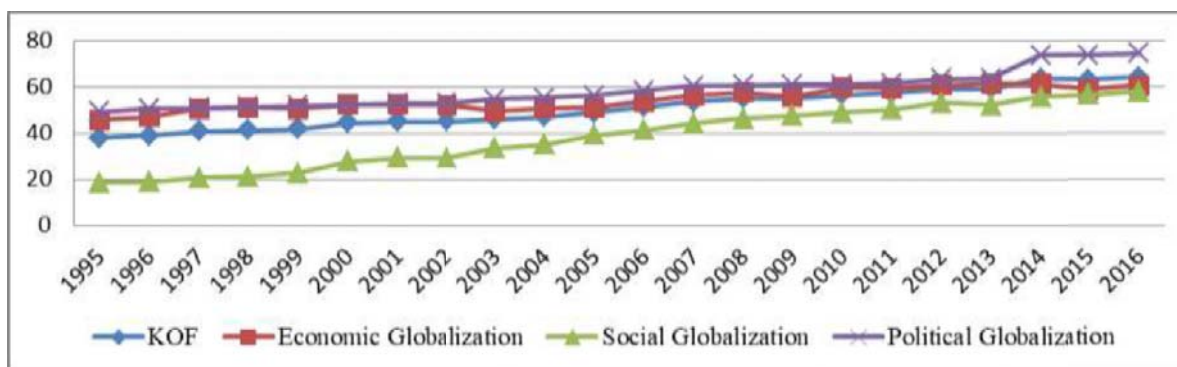
$$\Delta IS_t = \beta_0 + \beta_1 \Delta KOF_t + \beta_2 \Delta FDI_t + \beta_3 \Delta BOT_t + \beta_4 \Delta EXR_t + \beta_5 \Delta \log(RES)_t + \beta_6 u_{(t-1)} + \varepsilon_t \quad (3.2)$$

trong đó, Δ là sai phân bậc nhất; β_i ($i=0,6$) là các tham số và β_6 là tốc độ hiệu chỉnh sai số;

nhập toàn cầu. Trong giai đoạn 1995-2016, mức độ toàn cầu hóa của Việt Nam có xu hướng ngày càng tăng. Chỉ số toàn cầu hóa tổng hợp KOF nâng dần từ mức 37,94 năm 1995 lên 64,27 năm 2016 (hình 1). Trong ba phương diện của toàn cầu hóa, mức độ toàn cầu hóa chính trị là cao nhất và luôn giữ xu thế tăng ổn định từ 49,12 năm 1995 lên 74,32 năm 2016; mức độ toàn cầu hóa kinh tế đứng thứ hai, tăng chậm hơn và có dấu hiệu giảm dần trong những năm gần đây; mức độ toàn cầu hóa xã hội xếp thứ ba và cũng tăng dần từ 18,27 năm 1995 lên 57,77 năm 2016. Năm 2016, Việt Nam đứng ở vị trí thứ 82/203 trong bảng xếp hạng về mức độ toàn cầu hóa. Trong ba thành phần của toàn cầu hóa, Việt Nam xếp thứ 92/203 về toàn cầu hóa kinh tế, thứ 75/203 về toàn cầu hóa chính trị, và 129/203 về toàn cầu hóa xã hội.

4.2. Sự phát triển công nghiệp và dịch vụ ở Việt Nam

Toàn cầu hóa đã thể hiện những giá trị rõ ràng với Việt Nam, quốc gia toàn cầu hóa đông dân nhất trong lịch sử hiện đại. GDP bình quân đầu người của



Nguồn: Số liệu tổng hợp từ www.kof.ethz.ch.

Hình 1: Sự phát triển của mức độ toàn cầu hóa ở Việt Nam, 1995 - 2016

$u_{(t-1)}$ là trễ của số hạng sai số của mô hình (3.1); ε_t là sai số của mô hình (3.2).

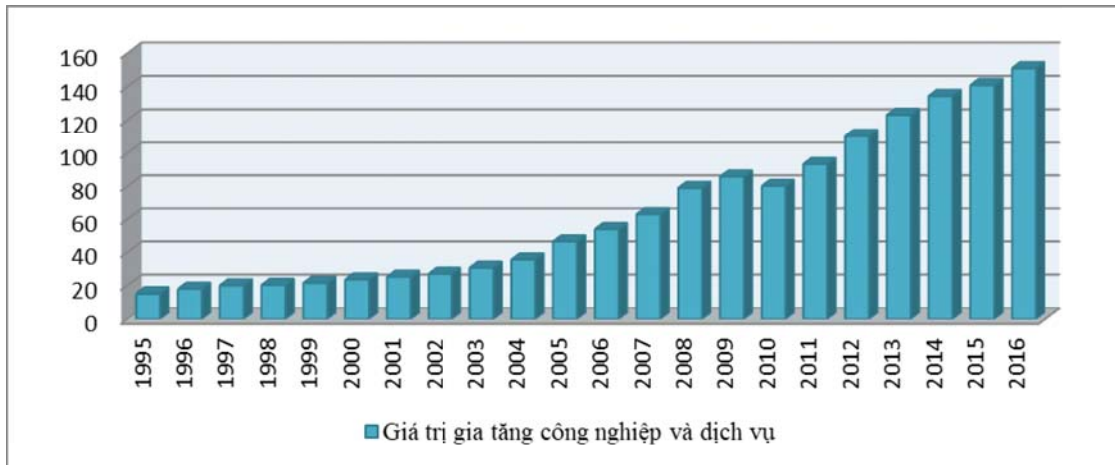
Cuối cùng là các kiểm định về chất lượng của mô hình và độ tin cậy của các kết quả ước lượng.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Sự phát triển mức độ toàn cầu hóa ở Việt Nam

Theo xu hướng toàn cầu hóa, Việt Nam đã đạt được những bước tiến tích cực trong quá trình hội

Việt Nam đã tăng từ 1.500 USD năm 1990 lên 2.587 USD năm 2018. Giá trị gia tăng công nghiệp và dịch vụ tăng nhanh từ 15,1 triệu USD năm 1995 lên 151,17 triệu USD năm 2016, thúc đẩy nền kinh tế dịch chuyển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong những năm gần đây, công nghiệp và dịch vụ luôn chiếm khoảng 80% tổng sản lượng hàng năm của nền kinh tế.



Nguồn: Tính toán của tác giả.

Hình 2: Sự phát triển công nghiệp và dịch vụ ở Việt Nam, 1995-2016

4.3. Kết quả ước lượng mô hình phân tích tác động của toàn cầu hóa đến sự phát triển công nghiệp và dịch vụ ở Việt Nam

4.3.1. Kiểm định nghiệm đơn vị

Kết quả kiểm định nghiệm đơn vị (bảng 2) cho thấy các chuỗi IS, KOF, FDI, BOT, EXR và log(RES) không dừng ở chuỗi gốc nhưng đều dừng sau khi lấy sai phân bậc nhất, nghĩa là đều tích hợp bậc 1.

ý nghĩa 5% (Bảng 3). Kiểm định vết (Trace) và kiểm định giá trị riêng cực đại (Maximum-Eigenvalue) đều chỉ ra rằng tồn tại bốn phương trình đồng tích hợp giữa các biến với mức ý nghĩa 5%. Các kết quả này chứng tỏ tồn tại mối quan hệ cân bằng dài hạn giữa IS và các biến giải thích trong mô hình (3.1), và mối quan hệ giữa các biến có thể biểu diễn theo cơ chế hiệu chỉnh sai số.

Bảng 2: Kiểm định ADF về tính dừng của các chuỗi trong mô hình (3.1)

Các chuỗi	Chuỗi ban đầu		Chuỗi sai phân bậc nhất		Kết quả
	Thống kê t	Giá trị p	Thống kê t	Giá trị p	
IS	-1,253069	0,8716	-4,686465	0,0074	I(1)
KOF	-3,180751	0,1149	-6,387872	0,0002	I(1)
FDI	-3,052740	0,1435	-3,624099	0,0533	I(1)
BOT	-1,426374	0,8221	-3,925940	0,0303	I(1)
EXR	-3,144654	0,1234	-3,413245	0,0793	I(1)
Log(RES)	-2,094669	0,5176	-3,476472	0,0727	I(1)

Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên phần mềm Eviews.

4.3.2. Kiểm định đồng tích hợp theo phương pháp Johansen

Kết quả kiểm định Johansen cho thấy giả thuyết không tồn tại vectơ đồng tích hợp bị bác bỏ với mức

4.3.3. Lựa chọn độ trễ tối ưu

Độ trễ tối ưu của mô hình được lựa chọn dựa vào các tiêu chí AIC, SC và HQ. Các kết quả ở bảng 4 cho thấy độ trễ tối ưu của mô hình là lag = 1.

Bảng 3: Kết quả kiểm định đồng tích hợp Johansen

Các chuỗi: IS KOF FDI BOT EXR Log(RES)							
Giả thuyết về số phương trình đồng tích hợp	Giá trị riêng	Kiểm định Trace			Kiểm định Maximum-Eigenvalue		
		Thống kê Trace	Giá trị tới hạn (5%)	Xác suất	Thống kê Max-Eigen	Giá trị tới hạn (5%)	Xác suất
Không có	0,968673	189,2780	95,75366	0,0000*	69,26534	40,07757	0,0000*
Nhiều nhất 1	0,938697	120,0127	69,81889	0,0000*	55,83857	33,87687	0,0000*
Nhiều nhất 2	0,799083	64,17409	47,85613	0,0007*	32,09731	27,58434	0,0122*
Nhiều nhất 3	0,670467	32,07678	29,79707	0,0269*	22,20158	21,13162	0,0353*
Nhiều nhất 4	0,387103	9,875196	15,49471	0,2905	9,791159	14,26460	0,2260
Nhiều nhất 5	0,004193	0,084036	3,841466	0,7719	0,084036	3,841466	0,7719

Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên phần mềm Eviews.

Bảng 4: Lựa chọn độ trễ của mô hình (3.1)

Lag	LogL	LR	FPE	AIC	SC	HQ
0	-55,59376	NA	56,39355	6,843751	7,140542	6,884675
1	-44,83699	13,14717*	19,39453*	5,759665*	6,105921*	5,807409*
2	-44,75781	0,087981	21,99299	5,861978	6,257699	5,916543
3	-43,40398	1,353822	21,83251	5,822665	6,267851	5,884050
4	-43,40113	0,002536	25,46319	5,933459	6,428110	6,001665

Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên phần mềm Eviews

4.3.4. Môi quan hệ giữa sự phát triển công nghiệp-dịch vụ, toàn cầu hóa và các nhân tố trong ngắn hạn

Bảng 5 trình bày kết quả ước lượng mô hình hiệu chỉnh sai số (3.2). Ký hiệu ECT(-1) biểu thị số hạng hiệu chỉnh sai số u_{t-1} của mô hình (3.1). Kết quả ước lượng cho thấy trong ngắn hạn, toàn cầu hóa có tác động thúc đẩy sự phát triển công nghiệp và dịch vụ. Hệ số ước lượng của biến D(KOF) bằng 1,862305 với mức ý nghĩa thống kê 5% hàm ý rằng trong ngắn hạn, toàn cầu hóa có ảnh hưởng dương tới sự phát triển công nghiệp và dịch vụ.

Hơn nữa, đầu tư trực tiếp nước ngoài, cán cân thương mại và tỷ giá hối đoái đều có tác động tích cực đến giá trị gia tăng công nghiệp và dịch vụ trong ngắn hạn. Hệ số ước lượng của các biến D(FDI(-1)), D(BOT(-1)), D(EXR(-1)) đều dương và có ý nghĩa

thống kê. Kết quả ước lượng hệ số của biến D(FDI(-1)) chứng tỏ tầm quan trọng của đầu tư trực tiếp nước ngoài có tác động mạnh mẽ đến giá trị gia tăng công nghiệp và dịch vụ tại độ trễ 1 kỳ (1 năm sau đó) trong ngắn hạn. Bên cạnh đó, kết quả ước lượng còn cho thấy log(RES) tuy có tác động dương đến giá trị gia tăng công nghiệp và dịch vụ trong ngắn hạn nhưng hệ số ước lượng của biến này không có ý nghĩa thống kê.

Kết quả ở bảng 5 cho thấy hệ số ước lượng của biến ECT(-1) là -0,803083 và có ý nghĩa thống kê với $p_value = 0,0275$. Kết quả này cho biết khoảng 80% sự chênh lệch giữa IS ngắn hạn và dài hạn được điều chỉnh trong một năm, nghĩa là khi có một cú shock làm lệch giá trị IS thực ra khỏi đường cân bằng trong dài hạn thì ngay tại kỳ tiếp theo (1 năm

Bảng 5: Kết quả ước lượng mô hình hiệu chỉnh sai số (3.2)

Các biến độc lập	Biến phụ thuộc D(IS)			
	Hệ số	Sai số chuẩn	Thống kê t	Giá trị p
C	-0,285232	1,728034	-0,165061	0,8716
D(IS(-1))	0,293827	0,157347	1,867386	0,0865
D(KOF)	1,862305	0,649828	2,865844	0,0142
D(FDIR(-1))	377,0637	67,29702	5,602978	0,0001
D(BOT(-1))	0,663164	0,263884	2,513088	0,0273
D(EXR(-1))	0,005612	0,001561	3,593849	0,0037
D(LRES(-1))	1,542044	0,865640	1,781391	0,1002
ECT(-1)	-0,803083	0,320281	-2,507434	0,0275
R-squared	0,830125	Ramsey test (Prob.)		0,2413
Adjusted R-squared	0,731031	Breusch-Pagan-Godfrey test (Prob.)		0,9722
F-Statistic	8,377151	Breusch-Godfrey Serial correlation		
Prob (F-statistic)	0,000809	LM test (Prob.)		0,5962
Durbin-Watson stat	1,743462	Jarque-Bera probability		0,2226

Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên phần mềm Eviews.

sau đó), giá trị IS sẽ hướng về vị trí cân bằng với tốc độ điều chỉnh khá nhanh là 80%. Hệ số ước lượng của biến ECT(-1) có ý nghĩa thống kê hàm nghĩa tồn tại mối quan hệ cân bằng dài hạn giữa IS và các biến giải thích trong mô hình (3.2).

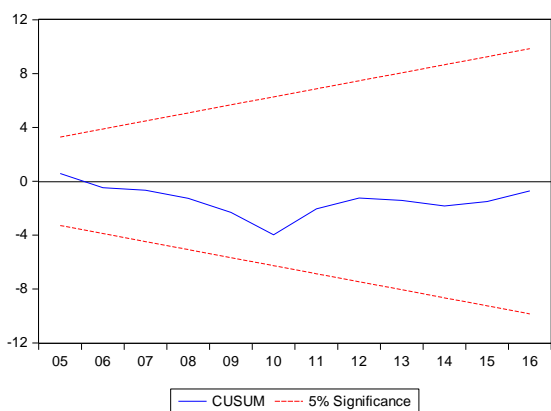
Kết quả hồi quy cũng cho thấy mô hình (3.2) giải thích được 83% sự biến động trong ngắn hạn của GDP công nghiệp và dịch vụ. Các kiểm định chẩn đoán chất lượng của mô hình (3.2) như: kiểm định dạng hàm đúng, phù hợp (Ramsey test) với $p_value = 0,2413$; kiểm định hiện tượng tự tương quan (Lagrange Multiplier_ LM test) ($p_value = 0,5962$); kiểm định hiện tượng phương sai sai số thay đổi (Breusch-Pagan-Godfrey test) ($p_value = 0,9722$); kiểm định phần dư có phân phối chuẩn (normality test) với p_value của thống kê Jarque-Bera nhận giá trị 0,2226 đều chứng tỏ mô hình (3.2) thỏa mãn các giả thiết cơ bản của phương pháp bình phương nhỏ nhất, do đó, các kết quả ước lượng đảm bảo tính tin cậy và thích hợp cho phân tích thực nghiệm.

Kiểm định phân dư: tổng tích lũy phân dư (CUSUM) và tổng tích lũy hiệu chỉnh của phần dư (CUSUMSQ) đều nằm trong giới tiêu chuẩn ứng với mức ý nghĩa 5% (hình 3a, 3b) nên có thể kết luận phần dư của mô hình có tính ổn định và vì thế mô hình là ổn định.

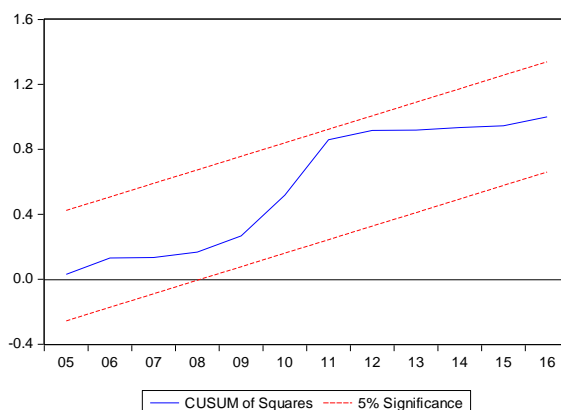
4.3.5. Mối quan hệ giữa sự phát triển công nghiệp - dịch vụ, toàn cầu hóa và các nhân tố trong dài hạn

Kết quả ước lượng mô hình đánh giá tác động của toàn cầu hóa đến phát triển công nghiệp và dịch vụ trong dài hạn được trình bày trong bảng 6.

Chỉ số toàn cầu hóa tổng hợp có tác động dương và có ý nghĩa thống kê ở mức 1% đối với giá trị gia tăng công nghiệp và dịch vụ. Kết quả ước lượng chỉ ra rằng nếu chỉ số toàn cầu hóa tổng hợp tăng 1 đơn vị và các yếu tố khác không thay đổi thì giá trị gia tăng công nghiệp và dịch vụ sẽ tăng 2,09 triệu USD. Do đó, toàn cầu hóa có tác động thúc đẩy sự phát triển của các ngành công nghiệp và dịch vụ ở Việt Nam.



Hình 3a: Tổng tích lũy phần dư của mô hình hiệu chỉnh sai số (3.2)



Hình 3b: Tổng tích lũy hiệu chỉnh của phần dư của mô hình hiệu chỉnh sai số (3.2)

Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên phần mềm Eviews

Bảng 6: Kết quả ước lượng mô hình (3.1)

Các biến độc lập	Biến phụ thuộc IS			
	Hệ số	Sai số chuẩn	Thống kê t	Giá trị p
C	-157,128	29,29903	-5,36289	0,0001
IS(-1)	0,257133	0,143207	1,79553	0,0942
KOF	2,091865	0,624709	3,348542	0,0048
FDIR(-1)	349,2593	78,05929	4,474282	0,0005
BOT(-1)	0,858153	0,258992	3,313428	0,0051
EXR(-1)	0,004811	0,001182	4,070684	0,0011
LRES(-1)	1,973297	0,974055	2,025857	0,0623
R-squared	0,996722	Ramsey Reset test		0,1086
Adjusted R-squared	0,995318	Breusch-Pagan-Godfrey test (Prob.)		0,2671
F-Statistic	709,5884	Breusch-Godfrey Serial correlation		
Prob (F-statistic)	0,0000	LM test (Prob.)		0,6633
Durbin-Watson stat	1,694589	Jarque-Bera probability		0,41756

Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên phần mềm Eviews.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài có ảnh hưởng dương và có ý nghĩa thống kê đến giá trị gia tăng công nghiệp và dịch vụ ở Việt Nam với hệ số tác động là 349,2593. Kết quả này hàm ý rằng đầu tư trực tiếp nước ngoài có tác động mạnh mẽ và đóng vai trò

quan trọng đối với sự phát triển công nghiệp và dịch vụ ở Việt Nam trong giai đoạn nghiên cứu.

Các kết quả ước lượng mô hình (3.1) cho thấy hệ số dương và có ý nghĩa thống kê ở mức 1% của các cân thương mại và tỷ giá. Thêm vào đó, dự trữ có

hưởng cùng chiều đến giá trị gia tăng công nghiệp và dịch vụ. Do đó, thương mại quốc tế, tỷ giá và dự trữ có tác động tích cực đến sự phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ ở Việt Nam trong dài hạn.

Hệ số R² điều chỉnh cho thấy trên 99% sự thay đổi của giá trị gia tăng công nghiệp và dịch vụ được giải thích bởi những thay đổi về mức độ toàn cầu hóa và các biến số kinh tế vĩ mô quan trọng khác trong mô hình. Kết quả các kiểm định chuẩn đoán chất lượng mô hình chứng tỏ các điều kiện cơ bản về độ tin cậy của kết quả ước lượng được đảm bảo. Hơn nữa, kết quả kiểm định ADF về tính dừng của chuỗi phần dư của mô hình (3.1) cho thấy giả thuyết nghiệm đơn vị bị bác bỏ với mức ý nghĩa 5% (p_value của kiểm định ADF bằng 0,0163), do đó, chuỗi phần dư của mô hình (3.1) là chuỗi dừng.

5. Kết luận và khuyến nghị

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp kiểm định đồng tích hợp Johansen và cơ chế hiệu chỉnh sai số để phân tích tác động của toàn cầu hóa đến sự phát triển công nghiệp và dịch vụ ở Việt Nam giai đoạn 1995-2016. Kết quả nghiên cứu cho thấy một số phát hiện đáng lưu ý như sau:

i) *Thứ nhất*, toàn cầu hóa có tác động thúc đẩy sự phát triển của các ngành công nghiệp và dịch vụ ở Việt Nam trong ngắn hạn và dài hạn. Việt Nam đã được hưởng những lợi ích nhất định từ toàn cầu hóa. Các khu vực công nghiệp và dịch vụ đều khai thác được những lợi ích của toàn cầu hóa để tạo ra giá trị gia tăng ngày càng lớn và ngày càng mở rộng phần chia trong cơ cấu của nền kinh tế.

ii) *Thứ hai*, toàn cầu hóa đã giúp dòng vốn ngoại chảy vào Việt Nam ngày càng tăng, cán cân thương mại ngày càng thặng dư và dự trữ của nền kinh tế ngày càng lớn. Kết quả nghiên cứu cho thấy đầu tư trực tiếp nước ngoài, cán cân thương mại, tỷ giá đều có ảnh hưởng dương đến giá trị gia tăng công nghiệp và dịch vụ trong ngắn hạn và dài hạn. Ngoài ra, dự trữ quốc gia cũng có tác động tích cực đến sự mở rộng của khu vực công nghiệp dịch vụ trong dài hạn, tuy nhiên, ảnh hưởng này không có ý nghĩa trong ngắn hạn.

Như vậy, kết quả phân tích cho thấy những tín hiệu tích cực về sự phát triển công nghiệp và dịch vụ

dưới tác động của toàn cầu hóa đã giúp cho chúng ta có cái nhìn lạc quan về những lợi ích của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế trong bối cảnh hiện nay. Để thúc đẩy sự phát triển công nghiệp, dịch vụ ở Việt Nam và khai thác được những lợi ích do toàn cầu hóa mang lại, một số khuyến nghị dựa trên các kết quả nghiên cứu được đề xuất như sau:

Thứ nhất, trong thời gian tới, chính phủ cần tiếp tục ủng hộ sự phát triển của mức độ toàn cầu hóa của Việt Nam để thúc đẩy sự phát triển công nghiệp, dịch vụ, từ đó thúc đẩy sự phát triển chung của nền kinh tế.

Thứ hai, tiến trình toàn cầu hóa có tác động rõ rệt tới dòng vốn FDI vào Việt Nam. Một mặt, toàn cầu hóa mang lại cơ hội để nền kinh tế có thể tiếp cận với thị trường vốn rộng lớn, tăng lợi thế cạnh tranh cho một số yếu tố thu hút đầu tư đã có đồng thời tạo ra một số yếu tố thu hút đầu tư mới. Mặt khác, tiến trình toàn cầu hóa cũng tạo ra sức ép cạnh tranh khốc liệt hơn trong việc thu hút FDI và làm suy giảm lợi thế so sánh của một số yếu tố đã hấp dẫn FDI như tài nguyên và chi phí nhân công rẻ do nguồn nhân lực trẻ dồi dào nhưng thiếu kỹ năng. Do đó, chính phủ cần có chiến lược, chính sách khuyến khích, xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài để thu hút luồng vốn FDI có chất lượng và giá trị gia tăng cao, bền vững, có hiệu ứng lan tỏa tích cực mạnh mẽ hơn để tận dụng được xu hướng di chuyển vốn, công nghệ và kỹ năng quản lý trong khu vực và toàn cầu, tạo bước đột phá cho công nghiệp và dịch vụ phát triển.

Thứ ba, toàn cầu hóa, tự do thương mại và tự do tài chính tiếp tục phát triển về quy mô, mức độ và hình thức biểu hiện với những tác động tích cực và tiêu cực, cơ hội và thách thức đan xen nhau rất phức tạp. Do đó, trong thời gian tới, chính sách thương mại, trong đó có chính sách xuất khẩu cần hoàn thiện cho phù hợp với thông lệ quốc tế, tiếp tục góp phần thúc đẩy sự phát triển công nghiệp và dịch vụ theo hướng đóng góp nhiều hơn vào nâng cao chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế. Đồng thời, chính sách điều hành tỷ giá cũng cần chủ động, linh hoạt và phù hợp, đảm bảo sự ổn định kinh tế vĩ mô, tạo nền tảng tăng xuất khẩu, tiếp tục thúc đẩy tăng

trường và có tác động thúc đẩy phát triển công nghiệp và dịch vụ một cách thiết thực hơn nữa. ♦

Tài liệu tham khảo:

1. Aluko, M.A.O., Akinola, G.O., Sola, F. (2004), *Globalization and the Manufacturing Sector: A Study of Selected Textile Firms in Nigeria*, Journal of Social Sciences, 9(2): 119 - 130.
2. Asuamah, Y., Pinkrah, B., Abbey, Q. (2016), *What is the Effect of Economic Globalization on the Productivity of the Manufacturing Sector of Ghana?*, MPRA Paper No. 71379, <http://mpra.ub.uni-muenchen.de/71379/>, truy cập ngày 11/8/2019.
3. Atta, O. (2017), *Effect of Globalization on the Manufacturing Sector of Ghana*, International Journal of Current Research, 9(5), 51592 - 51596.
4. Binuyo, B., Olanrewaju, Ayodele, A., Ayoninuoluwa, O., G.O.R. (2017), *Impact of Globalisation on the Industrial Growth in Nigeria (1981-2014): Implication to Psychologist and Economist*, European Journal of Business, Economics and Accountancy, 5(5), 52 - 60.
5. Dreher, A. (2006), *Does Globalization Affect Growth? Evidence from a new Index of Globalization*, Applied Economics, 38(10), 1091-1110.
6. Ebong, F., Udoh, E., Obafemi, F. (2014), *Globalization and Industrial Development of Nigeria: Evidence from Time Series Analysis*, International Review of Social Sciences and Humanities, 6(2), 12 - 24.
7. Goldar, B.N. (2014), *Globalisation, Growth and Employment in the Organised Sector of the Indian Economy*, Working paper NO. WP 06/2014, Institute for Human Development, New Delhi.
8. Nyamekye, G.E. (2016), *What is the Effect of Globalisation on the Performance of the Service Sector of Ghana?*, Munich Personal RePEc Archive, Paper No. 71841, https://mpra.ub.uni-muenchen.de/71841/1/MPRA_paper_71841.pdf, truy cập ngày 11/6/2019.
9. Ojo, A.S., Ololade, O.F. (2013), *An Assessment of the Nigerian Manufacturing Sector in*

the Area of Globalization, American Journal of Social and Management Sciences, 5(1), 27-32.

10. Sekar, H. (2006), *Globalisation of Service Activities: Opportunities and Challenges for India*, India Quarterly, 62(3), 1-22, DOI: <https://doi.org/10.1177/097492840606200301>, truy cập ngày 15/8/2019.
11. Sulaiman, N., Ismail, R., Abidin, S.H.T.Z. (2012), *The Impact of Globalization on Total Factor Productivity of the Manufacturing Sector in Malaysia*, Prosiding Perkem VII, Jilid 1, 409 - 422.
12. Umaru, A., Hamidu, A., Musa, S. (2013), *Globalization and its Impact on the Performance of the Nigerian Economy*, Interdisciplinary Journal of Research in Business, 2(8), 1-16.
13. Warburton, C.E.S. (2012), *Globalization and Structural Change in the US Manufacturing Sector, 1987 - 2010*, Applied Econometrics and International Development, Euro-American Association of Economic Development, Vol. 12-1, 73-92.
14. Wilson, E.R. (2010), *The Impact of Globalization on Industrial Growth in Nigeria*, <http://www.researchgate.net/publication/25600950>, truy cập ngày 16/8/2019.

Summary

The study utilizes Johansen cointegration test and error correction model to assess the impact of globalization on the development of industry and service in Vietnam in the period 1995-2016. The research results imply that globalization stimulates the development of industry and service in Vietnam toward industrialization and modernization. Besides, FDI, trade balance, and exchange rate have positive influence on industry and service development in both short-term and long-term. The research results also show that reserve has positive effect on the development of industry and service in the long run. Nevertheless, this effect is not meaningful in the short run. Basing on an analysis of the results, the paper makes several suggestions to enhance the development of industry and service in Vietnam in the current globalization.